

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	388.42 ↓	-1.44	-0.37%
KLGD (triệu ck)	57.63 ↑	34.86	153.10%
GTGD (tỷ đồng)	890.51 ↑	611.44	219.10%
Tổng cung (triệu ck)	102.69 ↑	1.36	1.34%
Tổng cầu (triệu ck)	113.52 ↑	8.16	7.75%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.95 ↑	0.91	87.93%
KL bán (triệu ck)	1.07 ↑	0.34	46.09%
Giá trị mua (tỷ đồng)	53.32 ↑	28.64	116.06%
Giá trị bán (tỷ đồng)	31.84 ↑	11.97	60.26%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	405	**
Kháng cự 2		
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	380	**
Hỗ trợ 2	350	***
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999



Nhận định thị trường:

Liên quan tới giá bán lẻ xăng dầu thời gian tới, mới đây Bộ Tài chính đã có công văn yêu cầu các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu giảm mức sử dụng Quỹ Bình ổn xăng dầu từ 500 đồng/lít xuống 300 đồng/lít. Như vậy, chưa có cơ sở để kì vọng khả năng giảm giá bán lẻ xăng dầu trong ngắn hạn.

NHNN đã thanh tra 26 tổ chức tín dụng, và thông đốc NHNN cho biết sẽ công khai kết quả thanh tra trên các phương tiện thông tin đại chúng. Kết quả thanh tra các tổ chức tín dụng đang là một trong những yếu tố mà NĐT rất quan tâm trong giai đoạn hiện tại.

Sự phục hồi nhẹ, thu hẹp đà giảm trong phiên hôm nay chỉ mang tính chất một dao động bình thường của thị trường và không mang ý nghĩa tích cực nào khi thanh khoản khớp lệnh vẫn chưa có sự cải thiện nào đáng kể. Bên cạnh đó, NĐT cũng đang chờ đón khá nhiều các thông tin quan trọng như tiến triển của đề án thành lập công ty mua bán nợ quốc gia (sẽ được trình vào trung tuần tháng 11), kết quả thanh tra các tổ chức tín dụng, tỷ lệ nợ xấu và phương án tái cấu trúc 4/9 ngân hàng còn lại trong 2 tháng cuối năm v.v... Điều này cho thấy tâm thị trường có khả năng vẫn thiên về sự thận trọng và thanh khoản thị trường có lẽ chưa thể sớm có sự cải thiện trong ngắn hạn.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	53.02 ↓	-0.11	-0.21%
KLGD (triệu ck)	22.17 ↓	-12.23	-35.55%
GTGD (tỷ đồng)	137.17 ↓	-122.18	-47.11%
Tổng cung (triệu ck)	40.58 ↓	-7.85	-16.22%
Tổng cầu (triệu ck)	42.04 ↓	-2.79	-6.23%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.50 ↑	0.26	106.47%
KL bán (triệu ck)	0.61 ↓	-0.11	-15.16%
Giá trị mua (tỷ đồng)	8.22 ↑	4.19	103.81%
Giá trị bán (tỷ đồng)	7.51 ↓	-0.03	-0.40%

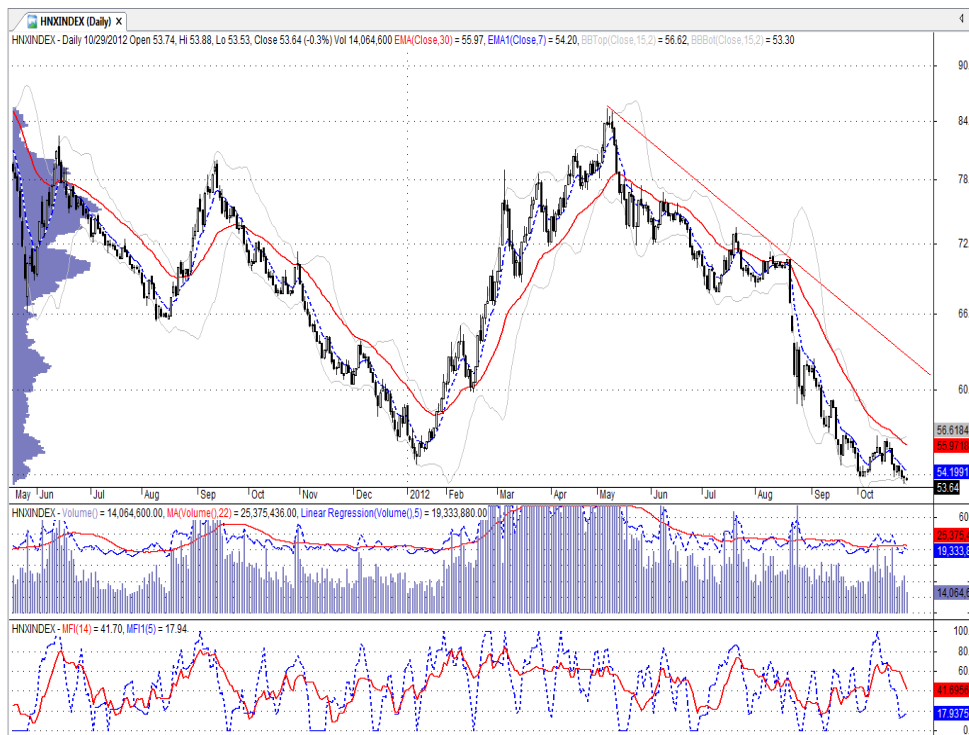
Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	57	**
Kháng cự 2	vùng 60 - 62	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	vùng 51 điểm	**
Hỗ trợ 2		
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	27,879,960
Bình quân 25 phiên	24,603,048
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	15,358,600
Phiên gần nhất	20,942,000

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kỹ thuật:

HNX-Index đã chính thức mất ngưỡng 54 điểm, đóng vai trò là ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn. Điều này thể hiện chỉ số HNX-Index quay trở lại xu thế giảm hiện hữu.

Với tình trạng thanh khoản liên tiếp sụt giảm trong thời gian qua, HNX vẫn chưa xuất hiện tín hiệu nào cho thấy cơ hội phục hồi, kể cả trên phương diện kỹ thuật.

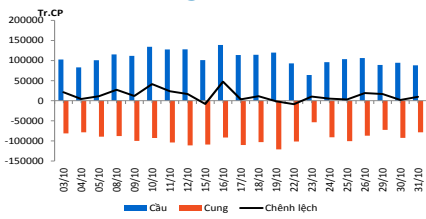
Các dao động của HNX-Index trong vùng 53 – 54 điểm là các dao động bình thường, có khả năng cao là bull trap và khó kéo dài. Nếu xuất hiện 1 – 2 phiên tăng nhẹ của chỉ số, NĐT cần hết sức thận trọng, tránh rơi vào trường hợp mua tại bulltrap.

Khả năng tiếp tục giảm dần của HNX-Index chiếm xác suất cao với phần giảm mạnh phân bổ vào các cổ phiếu mid cap và pennies như chúng tôi đã phân tích trong bản tin trước. Hỗ trợ của HNX_Index còn cách khá xa mức hiện tại, ở quanh vùng 50 điểm, do đó NĐT nên tiếp tục thận trọng trong bối cảnh nếu như không xuất hiện thông tin hỗ trợ tâm lý thị trường.

HSX:

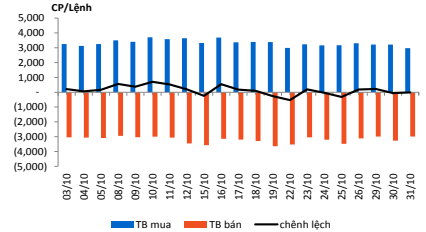
Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Cung cầu



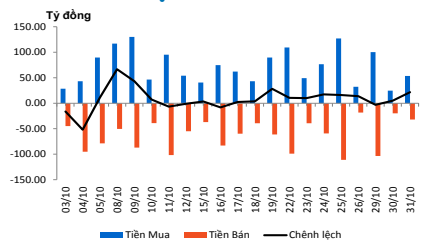
Mở cửa phiên giao dịch cuối tháng 10, VN-Index tiếp tục giảm điểm sau khi đã để mất mốc 390 điểm trong phiên giao dịch hôm qua, chỉ số này mở cửa giảm 1,36 điểm xuống 388,5 điểm (-0,35%), KLGD đợt 1 chỉ ở mức 690 nghìn cp, tương đương hơn 10 tỷ đồng. Thanh khoản đã xuống mức gần như cạn kiệt khi giao dịch chỉ tập trung vào một vài mã trong khi đa phần các cổ phiếu khác không có giao dịch hoặc giao dịch vài chục cổ phiếu.

Trung bình lệnh mua/bán



Đóng cửa phiên sáng, VN-Index giảm 0,02 điểm xuống 389,84 điểm. KLGD phiên sáng sàn Hose đạt hơn 50 triệu cp, tương đương 788 tỷ đồng trong đó giao dịch thỏa thuận đã lên đến 608 tỷ đồng, EIB thỏa thuận 35,08 triệu cổ phiếu tương đương gần 560 tỷ đồng. Đáng chú ý, các lệnh thỏa thuận của EIB chủ yếu ở giá trần 16.000 đồng/cp trong khi trên sàn EIB khớp lệnh ở mức giá 15.800 đồng/cp.

Giao dịch NĐTNN

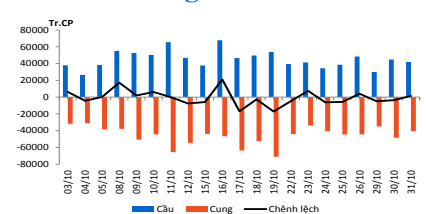


Kết thúc phiên giao dịch cuối tháng 10, VN-Index giảm 1,44 điểm xuống 388,42 điểm (-0,37%). Khá nhiều cổ phiếu bluechips thuộc nhóm Vn30 tăng điểm vào cuối phiên tuy nhiên VN-Index cũng như VN30-Index không thể có một phiên tăng điểm vì VNM giảm 2.000 đồng/cp, MSN giảm 500 đồng, STB và VCB đều mất điểm. Trong khi đó các bluechips tăng giá chỉ tăng 100-200 đồng như BVH, CTG, DPM... riêng CII tăng 900 đồng, HSG tăng 200 đồng.

HNX:

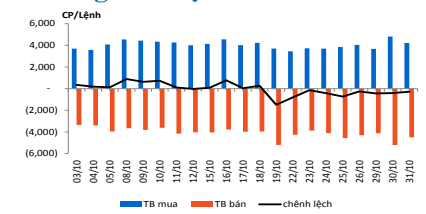
Diễn biến thị trường Hà Nội:

Cung cầu



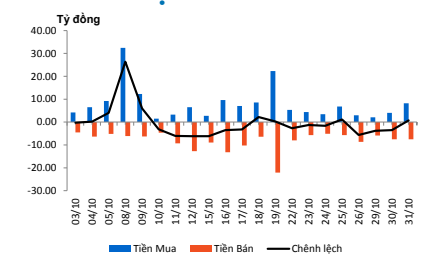
HNX-Index sau khi phá đáy lần thứ 4 trong phiên hôm qua, xuống sát 53 điểm, sáng nay HNX-Index giảm 0,35 điểm xuống 52,78 điểm (-0,66%). Lúc này SHB giảm 200 đồng xuống 5.200 đồng/cp chỉ cách giá sàn 100 đồng, SHB khớp lệnh gần 2 triệu đơn vị sau 40 phút giao dịch. Trong khi đó, ACB, SHS, BVS giảm 100 đồng, trong nhóm VN30 không một mã nào tăng giá.

Trung bình lệnh mua/bán



Kết phiên sáng, HNX-Index đã lấy lại được mốc 53 điểm khi chỉ còn giảm nhẹ 0,1 điểm, ACB giảm 100 đồng trong khi BVS, KLS, PVX, VND tăng nhẹ 100 đồng, SHB đầu phiên có lúc giảm 200 đồng, cuối phiên về lại giá tham chiếu, giao dịch hơn 4,6 triệu đơn vị, NVB hôm qua giao dịch hơn 8 triệu cp, hôm nay chưa có giao dịch trong suốt phiên sáng.

Giao dịch NĐTNN



Kết thúc phiên giao dịch cuối tháng 10, HNX-Index giảm 0,11 điểm xuống 53,02 điểm (-0,21%). PVX bất ngờ tăng trần cuối phiên, khớp lệnh gần 1,7 triệu đơn vị. SHB đứng giá 5,400 đồng/cp, giao dịch gần 6,6 triệu cổ phiếu, VND, KLS, BVS tăng nhẹ 100 đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX Bloomberg : PVNI <GO> www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

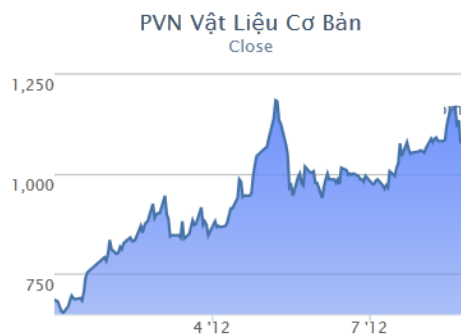


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	694.62	↑ 3.07	↑ 0.44
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	651.15	↓ -0.42	↓ -0.06
PVN ALLSHARE	633.51	↓ -0.38	↓ -0.06
PVN ALLSHARE HNX	478.68	↑ 2.67	↑ 0.56
PVN ALLSHARE HSX	692.88	↓ -0.95	↓ -0.14
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1040.58	↑ 5.8	↑ 0.56
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	767.61	↔ 0	0
PVN Tài Chính	432.58	↓ -0.25	↓ -0.06
PVN Công Nghiệp	298.89	↑ 6.36	↑ 2.17
PVN Dầu Khí	639.24	↓ -1.43	↓ -0.22
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	572.5	↓ -13.03	↓ -2.23

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 18 mã cổ phiếu đứng giá, 4 cổ phiếu tăng giá và 6 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng nhẹ 0,1% và tổng khối lượng giao dịch đạt mức thấp với 4,267 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 31/10:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	4,200.0	-	0.00	0.37	11.35	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,800.0	100	3.70	0.28	25.45	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,200.0	100,900	-4.35	0.13	0.22	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,200.0	185,600	0.00	1.41	1.15	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	8,300.0	88,100	-1.19	0.77	5.25	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,700.0	-	0.00	0.43	2.60	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,800.0	12,620	0.00	0.38	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,700.0	24,260	-1.55	0.76	1.90	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	8,600.0	11,485	0.00	1.51	3.93	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,200.0	36,000	0.00	0.53	5.90	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,400.0	75	0.00	0.66	7.78	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,500.0	-	0.00	0.34	1.64	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,000.0	148,000	0.00	1.27	4.01	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4,400.0	1,684,850	4.76	0.19	1.65	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,500.0	676,830	-0.25	3.19	12.66	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	35,900.0	189,370	0.56	2.15	5.80	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	23,300.0	17,210	-1.27	1.07	2.83	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,300.0	8,160	0.00	0.54	4.60	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10,900.0	74,520	0.00	0.62	2.68	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	28,900.0	159,580	-2.36	1.41	4.08	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,200.0	62,370	0.00	0.21	1.71	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,000.0	83,760	0.00	1.18	6.88	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7,200.0	449,290	0.00	0.63	9.11	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	3,900.0	137,350	0.00	0.40	35.45	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	3,900.0	8,830	0.00	0.37	2.60	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,300.0	4,860	4.55	0.21	1.20	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	7,900.0	102,190	0.00	0.60	2.37	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,000.0	1,280	0.00	0.37	2.63	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VNM	127,000	125,000	-1.57	28,335,090
CII	24,700	25,600	3.64	14,560,222
LCM	17,500	17,100	-2.29	11,593,371
EB	15,300	15,700	2.61	568,926,560
SSI	15,800	15,800	0.00	10,113,719

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SHB	5,400	5,400	0.00	37,605
SCR	5,500	5,400	-1.82	12,675
VND	8,400	8,500	1.19	11,590
ACB	15,500	15,300	-1.29	7,383
PVX	4,200	4,400	4.76	7,128

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DDM	1,300	1,400	100	7.69
DAG	10,000	10,500	500	5.00
HDC	14,000	14,700	700	5.00
TDW	18,000	18,900	900	5.00
TMS	20,100	21,100	1,000	4.98

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
THV	900	1,000	100	11.11
NVC	1,000	1,100	100	10.00
CAN	20,000	21,400	1,400	7.00
TLC	1,500	1,600	100	6.67
HHC	15,100	16,100	1,000	6.62

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	900	800	-100	-11.11
VES	1,400	1,300	-100	-7.14
CLG	4,000	3,800	-200	-5.00
VSI	6,100	5,800	-300	-4.92
VHC	32,600	31,000	-1,600	-4.91

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PSG	1,100	1,000	-100	-9.09
MCC	12,900	12,000	-900	-6.98
HDA	8,700	8,100	-600	-6.90
SGC	16,600	15,500	-1,100	-6.63
ADC	10,800	10,100	-700	-6.48

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	25,140	VCF	8,388
HSG	5,277	CSM	3,466
DPM	3,111	VNM	2,660
VNM	3,041	SJD	2,534
VSH	2,551	PVD	1,965

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	2,339	ACB	2,302
LAS	2,320	AAA	1,028
ACB	2,302	VNR	871
EBS	185	SDT	615
SD7	142	BVS	514

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax(84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng – ĐT: (84-0511)3899338; Fax: (84-0511) 3899339